TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2017
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Quy.

2. Ông Trần Hùng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Nhà truyền thống Khu di tích địa đạo L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh B, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị S, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Anh B có mặt; chị S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh B trình bày: Anh và chị S tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện nhưng suốt thời gian chung sống hai anh chị không có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hai anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp

nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên hai anh chị thường xuyên gây gổ cãi vã nhau dẫn đến ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian ly thân hai anh chị không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết anh được ly hôn với chị S.

Bị đơn chị S đã khai: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như anh B trình bày như trên là đúng. Xét thấy tình cảm không còn nên chị cũng chấp nhận ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh B và chị S có 01 con chung tên L, sinh ngày: 13/12/1999. Anh B và chị S thoả thuận giao cháu L cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B và chị S không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh B và chị S trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị S đều có lời khai thống nhất, phù hợp với chứng cứ cung cấp và Tòa án được thu thập thể hiện anh B và chị S chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên hôn nhân của anh B và chị S không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về con chung: Anh B và chị S có 01 con chung tên L, sinh ngày: 13/12/1999. Anh B và chị S thoả thuận giao cháu L cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị S trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận anh B và chị S là vợ chồng. Giao con chung tên L, sinh ngày: 13/12/1999 cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh B và chị S không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung, anh chị thống nhất không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị S. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Trong quá trình giải quyết, chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: anh B và chị S chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay anh B và chị S không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy cần tuyên bố không công nhận anh B và chị S là vợ chồng.

Về con chung: Anh B và chị S thống nhất có 01 con chung là L, sinh ngày: 13/12/1999. Anh B và chị S thoả thuận giao con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, chị S đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con và theo nguyện vọng của cháu L muốn sống với chị S nên giao con chung cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; chị S không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Anh B được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Anh B và chị S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Anh B và chị S trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Không công nhận anh B và chị S là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao con chung tên L, sinh ngày: 13/12/1999 cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở .

3.Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Anh B chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021058 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Án phí anh B đã thi hành xong.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã A (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
……	…… **Nguyễn Hoàng Mai**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**